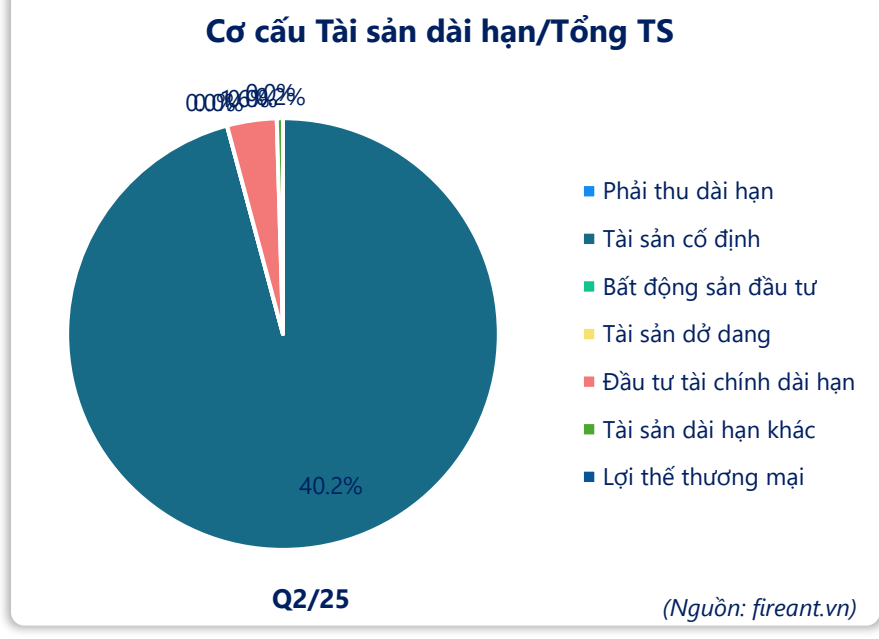
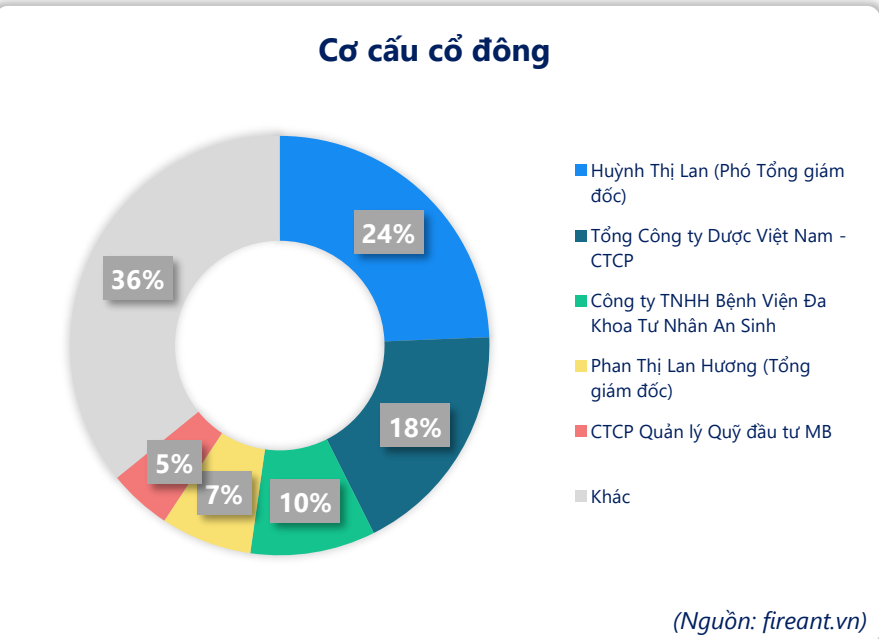
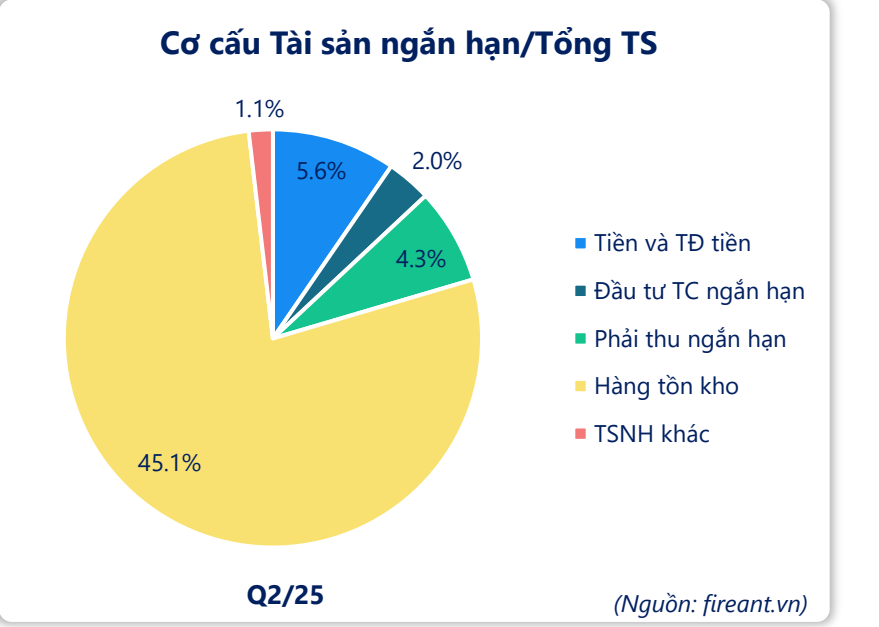
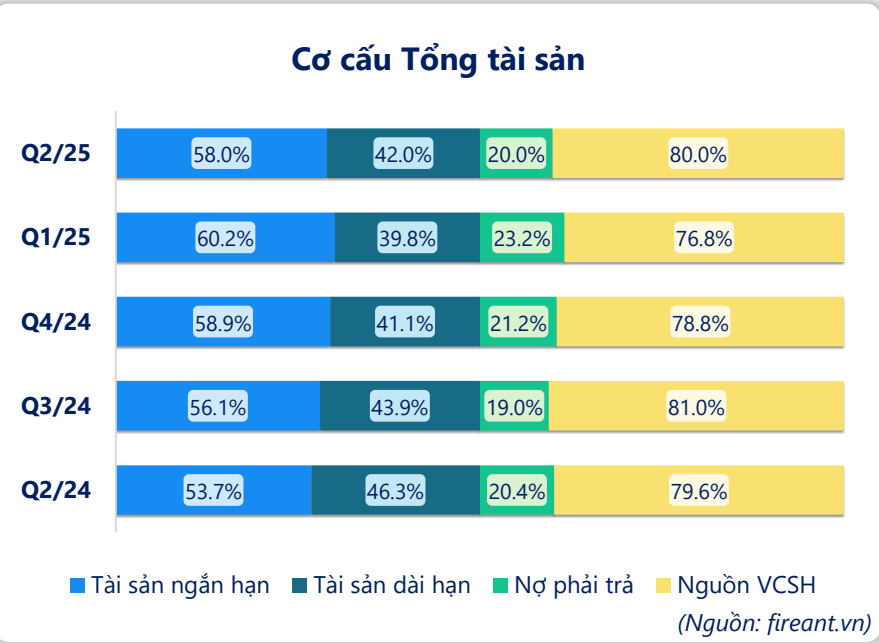
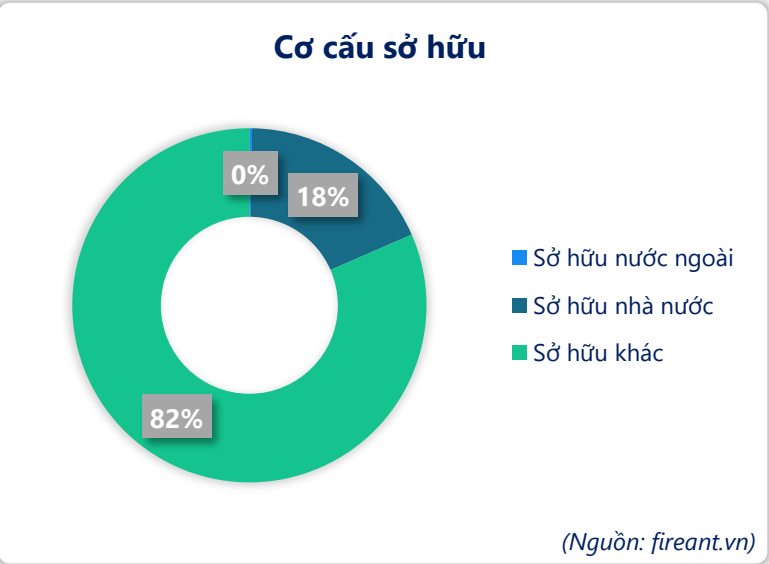
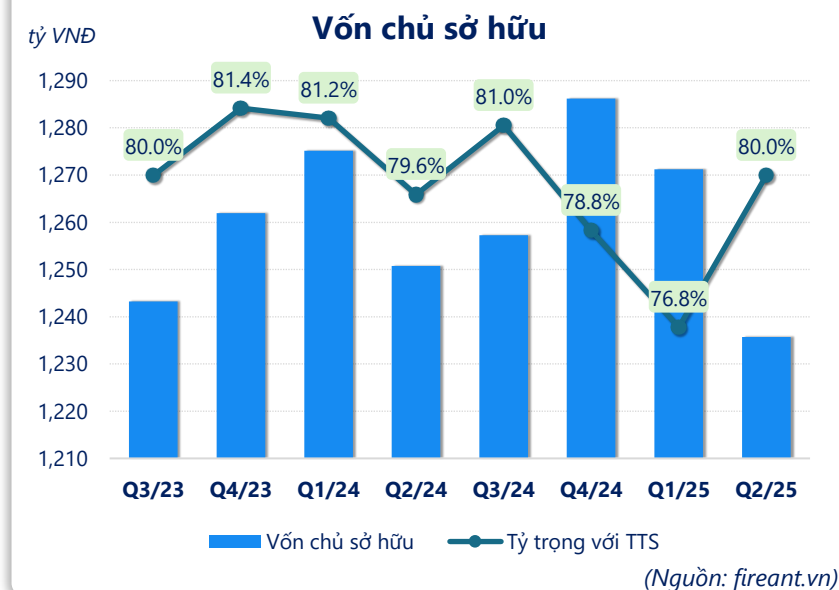
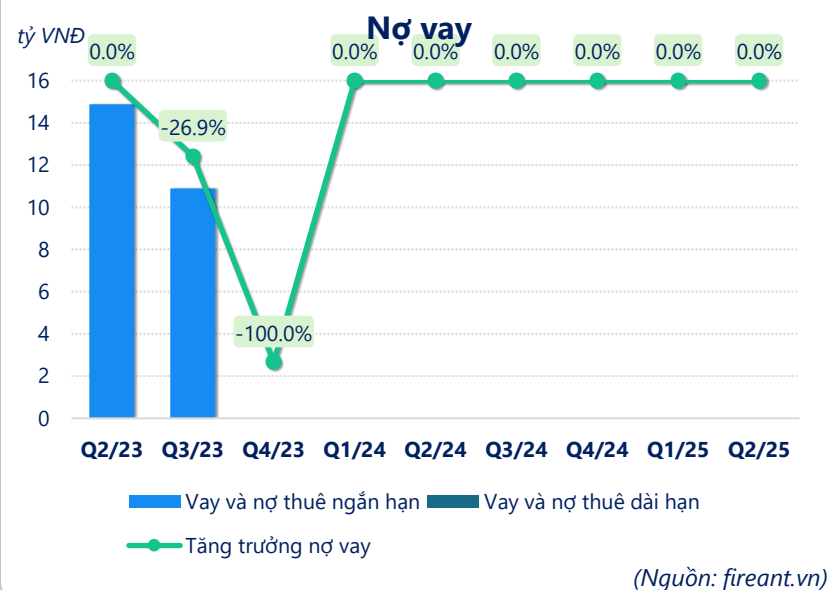
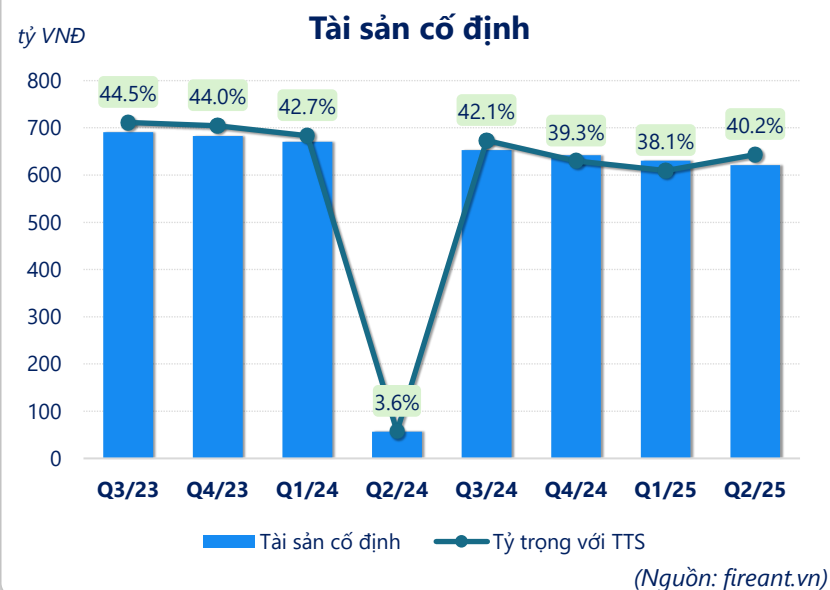
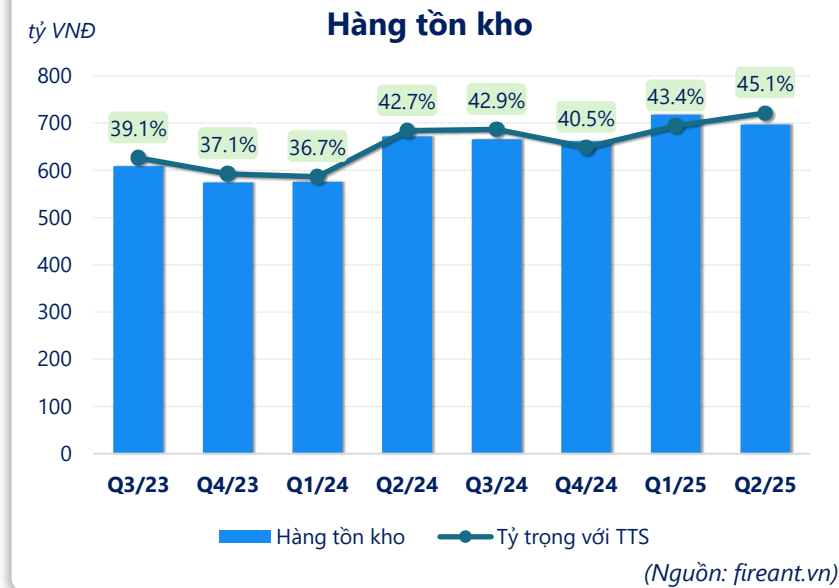
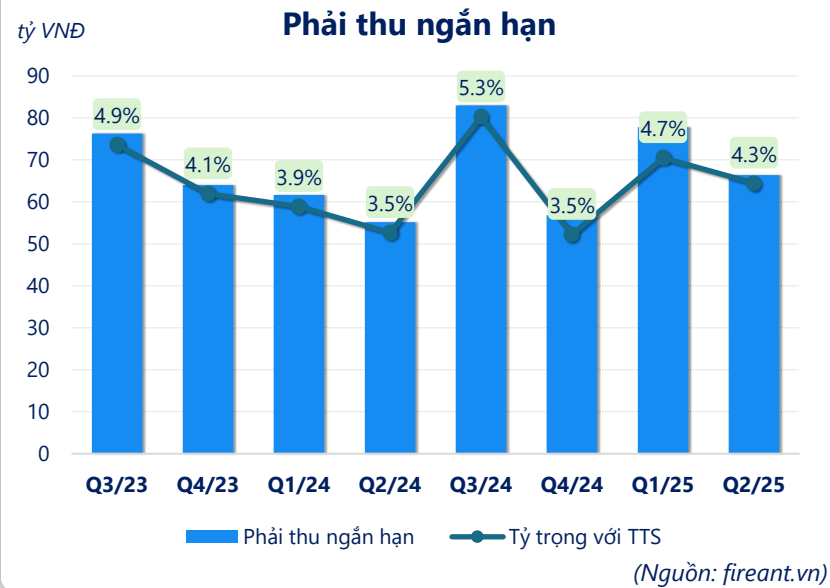
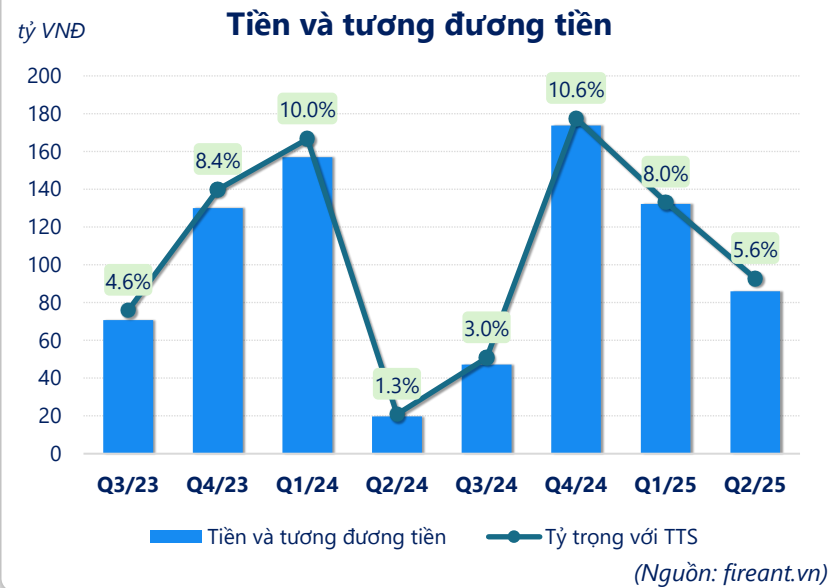
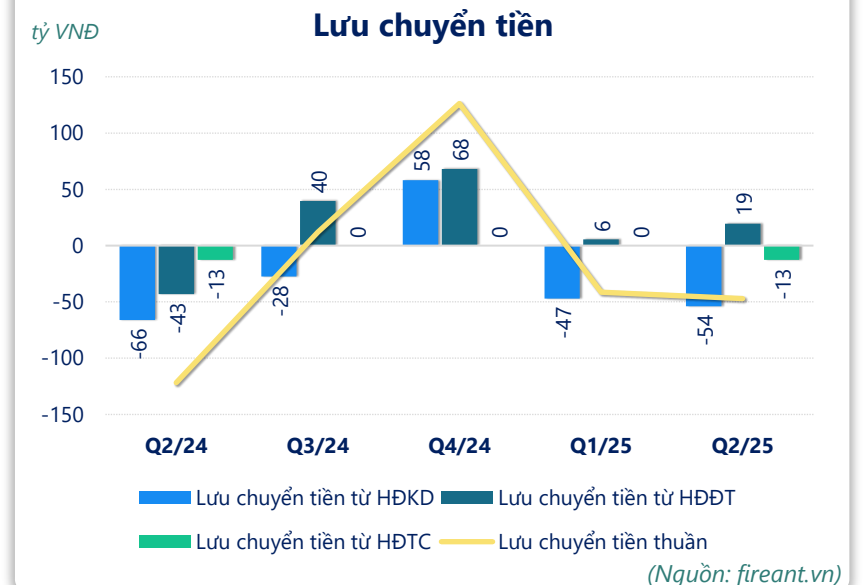
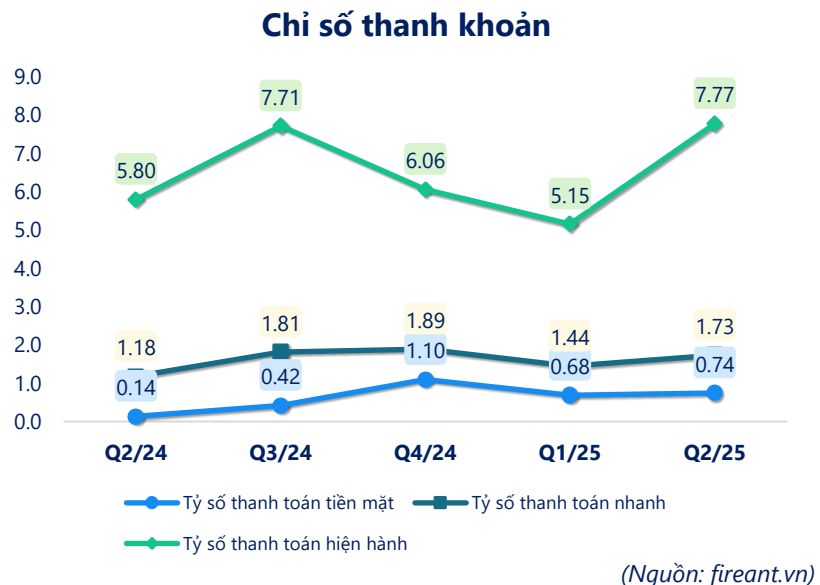
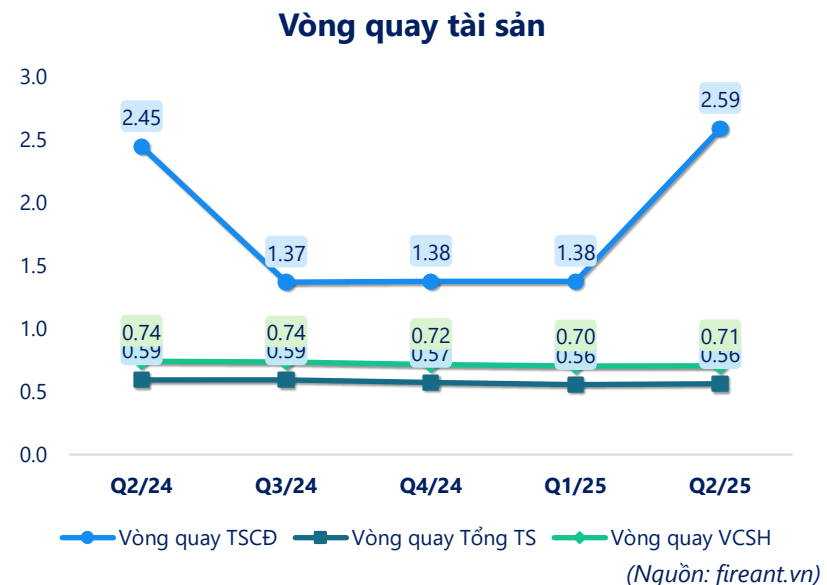
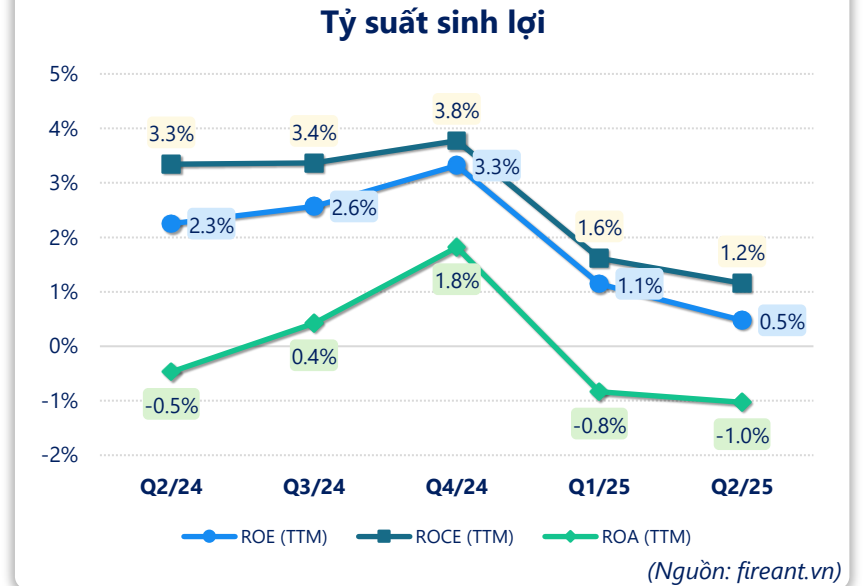
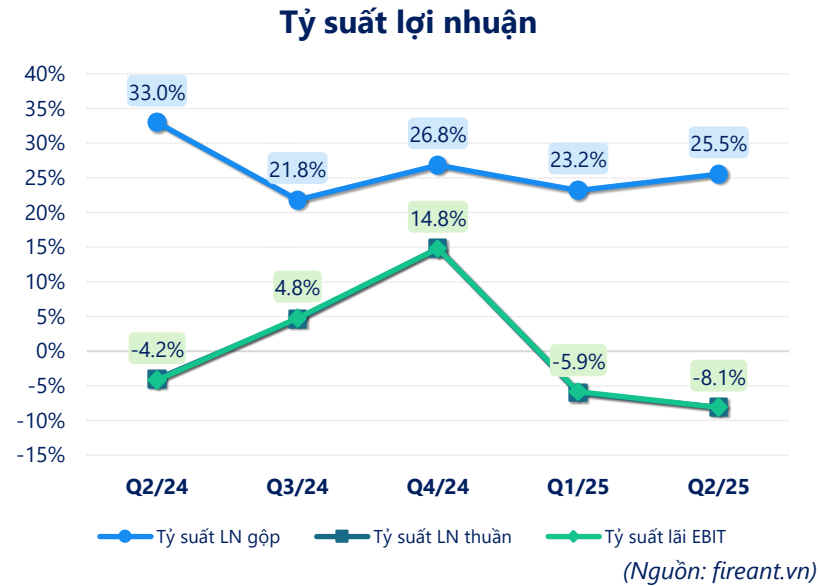
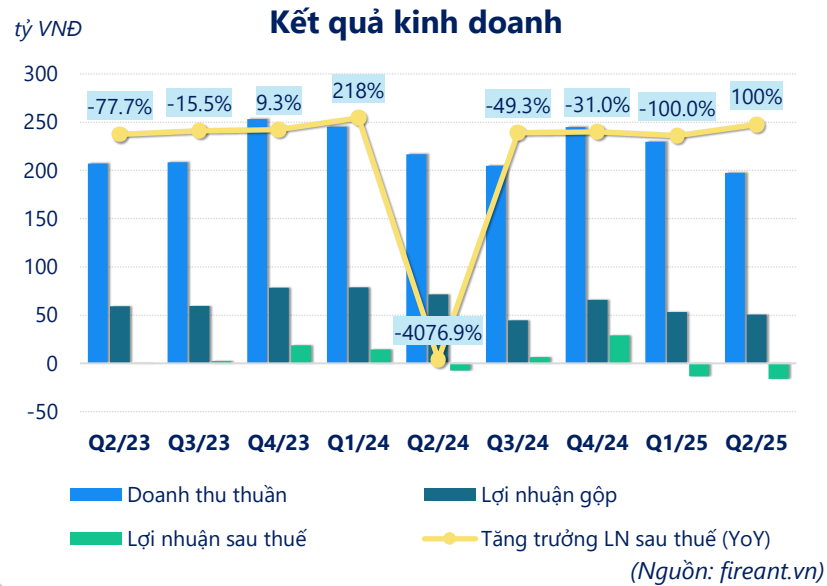


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		29,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		32,880
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,600
SL cổ phiếu LH		25,268,221
KLGD BQ 20 phiên (CP)		64,130
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		738
P/E		124.6
EPS		234

	YTD	1T	3T	6T
MKP	2.6%	7.0%	0.5%	3.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,545	1,632	-5.3%
Tài sản ngắn hạn	897	961	-6.7%
Tiền và tương đương tiền	85.9	174	-50.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.9	55.9	-44.7%
Phải thu ngắn hạn	66.4	55.6	19.3%
Hàng tồn kho	697	662	5.3%
Tài sản ngắn hạn khác	16.7	14.1	18.2%
Tài sản dài hạn	648	670	-3.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	621	642	-3.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.00	0.00	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	24.1	24.1	0.0%
Tài sản dài hạn khác	3.00	4.37	-31.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	309	347	-10.9%
Nợ ngắn hạn	115	160	-27.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	33.2	64.2	-48.4%
Nợ dài hạn	194	187	3.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,236	1,285	-3.8%
Vốn chủ sở hữu	1,236	1,285	-3.8%
Vốn điều lệ	255	255	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	217	205	245	230	198
Giá vốn hàng bán	145	160	179	176	147
Lợi nhuận gộp	71.4	44.7	65.7	53.3	50.4
Doanh thu HĐTC	1.67	25.9	38.1	1.33	3.07
Chi phí TC	26.3	0.01	0.90	0.40	1.25
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	32.4	25.4	26.3	31.0	25.4
Chi phí QLDN	23.0	35.6	40.4	37.0	42.9
LN thuần từ HĐKD	-8.64	9.54	36.3	-13.8	-16.0
Lợi nhuận khác	-0.41	0.21	-0.04	0.32	-0.01
LN trước thuế	-9.05	9.75	36.2	-13.5	-16.0
Lợi nhuận sau thuế	-7.36	6.52	28.9	-13.5	-16.0
LNST của CĐ cty mẹ	-7.36	6.52	28.9	-13.5	-16.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-66.1	-27.5	58.3	-47.1	-53.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-43.0	39.6	68.0	5.61	19.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.6	0	0	0	-12.6
Tiền đầu kỳ	157	34.6	47.2	174	132
Lưu chuyển tiền thuần	-122	12.0	126	-41.5	-47.0
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.62	0.62	0.23	0	0.65
Tiền cuối kỳ	34.6	47.2	174	132	85.9

(Nguồn: fireant.vn)